

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGUYỄN THỊ THU THỦY

**PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC XÃ
TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP QUA THỰC TIỄN
TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

THỪA THIÊN HUẾ - năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Kim Long Biên**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của nghiên cứu đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của đề tài	4
7. Bố cục luận văn.....	5
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC XÃ TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP	6
1.1. Khái quát về hoạt động hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp	6
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm về hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp	6
1.1.2. Vai trò, ý nghĩa của hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp.....	8
1.2. Khái quát pháp luật về hoạt động hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp.....	8
1.2.1. Khái niệm pháp luật về hoạt động hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp	8
1.2.2. Nội dung pháp luật điều chỉnh về hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp .	9
1.3. Các yếu tố tác động đến pháp luật và thực hiện pháp luật về hoạt động hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp.....	10
1.3.1. Các yếu tố bên trong.....	10
1.3.2. Các yếu tố bên ngoài	11
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC XÃ TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP	12
2.1. Thực trạng pháp luật về hoạt động hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp	12
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hoạt động hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp tại tỉnh Quảng Trị	14
2.2.1. Một số đặc điểm kinh tế xã hội ảnh hưởng đến phát triển hợp tác xã nông nghiệp	14
2.2.2. Một số kết quả đạt được trong thực hiện pháp luật về hoạt động hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp tại tỉnh Quảng Trị	14
2.2.3. Thực trạng phát triển các hợp tác xã tại tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2022	15
2.3. Đánh giá chung	17
2.3.1. Những kết quả đạt được trong thực hiện pháp luật về hợp tác xã nông nghiệp.....	17
2.3.2. Một số vướng mắc, hạn chế trong thực hiện pháp luật về hoạt động hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp tại tỉnh Quảng Trị.....	18
2.3.3. Một số nguyên nhân của vướng mắc, hạn chế trong thực hiện pháp luật về hoạt động hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp tại tỉnh Quảng Trị.....	19
2.3.4. Một số bài học kinh nghiệm rút ra	20

Kết luận Chương 2	20
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC XÃ TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP	21
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp.....	21
3.1.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp phải theo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	21
3.1.2. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp phải đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.....	21
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp.....	22
3.2.1. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung pháp luật về hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp trong thời gian đến.....	22
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp	23
Kết luận Chương 3	24
KẾT LUẬN	25
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của nghiên cứu đề tài

Phát triển kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã là một trong những chủ trương mang tính chiến lược được Đảng và Nhà nước xác định nhằm phát triển nông nghiệp, nông thôn trên con đường công nghiệp hóa - hiện đại hóa và xây dựng nông thôn mới. Trong những năm qua, thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã, nhất là từ khi Luật hợp tác xã năm 2012 có hiệu lực thi hành, lĩnh vực kinh tế hợp tác, hợp tác xã đã có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng... Các hợp tác xã tham gia tích cực vào chương trình xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới,... và ngày càng khẳng định vai trò, vị trí quan trọng trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, vai trò toàn diện trong phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế. Do vậy, việc nghiên cứu kinh tế hợp tác xã vẫn là vấn đề cấp bách cả về lý luận và thực tiễn.

Để nâng cao vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực hợp tác xã, Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012; ban hành các Nghị định như: Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 về việc sửa đổi bổ sung Nghị định 193/2013/NĐ-CP; Tỉnh ủy Quảng Trị đã ban hành Chương trình hành động số 71-CTHĐ/TU ngày 11/7/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XV thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể ở tỉnh Quảng Trị. Từ khi Luật Hợp tác xã 2012 đi vào thực tiễn, cùng với cả nước, hợp tác xã trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã có những bước phát triển đáng ghi nhận, đáp ứng được một phần nhu cầu của người lao động, hộ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hợp tác xã, nhất là Luật Hợp tác xã năm 2012 vẫn còn những tồn tại hạn chế nhất định; việc áp dụng Luật Hợp tác xã 2012 vào hoạt động của các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị hiệu quả chưa cao; kinh tế hợp tác xã trong những năm qua vẫn chưa thoát khỏi cung cách quản lý của cơ chế cũ, nên khi mở rộng sản xuất kinh doanh gặp khó khăn trong việc huy động vốn. Hiệu quả sản xuất kinh doanh dịch vụ còn thấp, chủ yếu là dịch vụ đầu vào chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của kinh tế tập thể. Công tác tổ chức điều hành quản lý chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, chế độ đãi ngộ thấp, chưa thu hút được nhiều người có trình độ bằng cấp vào công tác tại hợp tác xã.

Để khắc phục những tồn tại nêu trên, nhằm phát huy vai trò của hợp tác xã nông nghiệp trong quá trình phát triển nền nông nghiệp hàng hóa hiện đại, công nghiệp hóa; góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, việc nghiên cứu đề tài: “Pháp

luật về hoạt động Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị” là cần thiết trong giai đoạn hiện nay, góp phần giải quyết những vấn đề đang đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Sau khi Luật Hợp tác xã năm 1996, 2003 ra đời và đi vào cuộc sống, những quy định pháp luật về Hợp tác xã đã được nhiều nhà nghiên cứu pháp lý cũng như những nhà nghiên cứu thuộc lĩnh vực có liên quan quan tâm nghiên cứu. Tuy nhiên, việc nghiên cứu chuyên sâu pháp luật về Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn còn ít, mang tính chung nhất là sau khi Luật Hợp tác xã 2012 ra đời. Một số công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài nghiên cứu:

. Nhóm các công trình được in và phát hành dưới hình thức sách

- Vụ Hợp tác xã, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014): “Một số nội dung chủ yếu cơ bản và các văn bản quy phạm pháp luật chủ yếu về hợp tác xã”, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội. Cuốn sách đã hệ thống hóa hệ thống văn bản pháp luật về Hợp tác xã như: Luật Hợp tác xã năm 2012 và các nghị định, hướng dẫn thi hành, cuốn sách làm rõ bản chất tổ chức hợp tác xã và các quy định cụ thể chính sách hỗ trợ, ưu đãi đặc thù đối với hợp tác xã.

- Tổng Cục Thống kê (2014), Sự phát triển của các Hợp tác xã giai đoạn 2008 - 2011, Nhà xuất bản Thống kê cuốn sách đã cung cấp những thông tin cơ bản phản ánh thực trạng và kết quả sản xuất kinh doanh của khu vực hợp tác xã trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân, thuộc địa phương trong cả nước từ năm 2008 đến năm 2011 trên cơ sở cập nhật, tổng hợp thông tin thu được từ các cuộc điều tra doanh nghiệp hàng năm của Tổng cục Thống kê.

- Chu Tiến Quang (2013), Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã ở Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội. Tác phẩm đã đề cập đến vai trò và tính tất yếu khách quan của việc phát triển hợp tác xã; thực trạng và giải pháp phát triển hợp tác xã ở nước ta.

. Nhóm các công trình là báo cáo khoa học, các kỷ yếu hội thảo, các báo cáo nghiên cứu đã được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành

- Công trình nghiên cứu của Vụ Hợp tác xã, Bộ Kế hoạch và Đầu tư: “Một số giải pháp, sửa đổi, bổ sung quy định kiểm toán áp dụng riêng đối với hợp tác xã nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã”. Đề tài Khoa học cấp Bộ (2013). Công trình nghiên cứu đã nêu thực trạng của Hợp tác xã ở Việt Nam từ năm 2000 đến năm 2013, quá trình chuyển đổi từ Luật Hợp tác xã 2003 bằng Luật Hợp tác xã 2012, những điểm mới của Luật Hợp tác xã 2012, kinh nghiệm phát triển hợp tác xã tại Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, công trình đã tổng hợp các chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã của Chính phủ Việt Nam.

- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị (2022), Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về “tiếp tục đổi mới nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể” của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

. Các Luận án Tiến sĩ, Luận văn Thạc sĩ có liên quan đến đề tài nghiên cứu

- Doãn Thị Vân Anh (2014), Hoàn thiện pháp luật về quản lý nhà nước đối với hợp tác xã ở Việt Nam hiện nay, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội. Nội dung luận văn tập trung làm rõ vai trò của khung pháp luật, xây dựng nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật và cơ chế thực thi pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả Quản lý nhà nước đối với hợp tác xã ở Việt Nam hiện nay.

- Phạm Lương (2019), Pháp luật về tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã Nông nghiệp, qua thực tiễn tỉnh Thừa Thiên Huế, Luận văn Thạc sĩ Luật Kinh tế, Đại học Luật, Đại học Huế đã phân tích về thực trạng áp dụng pháp luật tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã vào thực tiễn ở nước ta và trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, trong đó tập trung vào 03 khía cạnh bao gồm quy trình thành lập, giải thể, cơ cấu tổ chức và thực trạng tình hình hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế sau Đại hội chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012, những kết quả đạt được và các hạn chế còn tồn tại.

Nhìn chung, các công trình, tác phẩm nghiên cứu đã cho thấy được những lý luận và thực tiễn vấn đề về kinh tế tập thể nói chung, hợp tác xã nói riêng. Tuy nhiên, chưa có đề tài, công trình nào nghiên cứu cụ thể Pháp luật về hoạt động Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị” là cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Qua đó, tác phẩm của tác giả là độc lập, không trùng lặp với các công trình nghiên cứu trước đây.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu cung cấp luận cứ để đưa ra định hướng, đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả việc tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Đánh giá hiệu lực của Luật HTX năm 2012, thực trạng về áp dụng Luật vào tổ chức sản xuất, kinh doanh và hiệu lực, hiệu quả trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị những năm vừa qua, làm cơ sở đề xuất giải pháp và định hướng phát triển Hợp tác xã nông nghiệp trong thời gian đến.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích trên, Luận văn có nhiệm vụ:

- Thứ nhất: Hệ thống hóa, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của pháp luật tổ chức và hoạt động của hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Thứ hai: Đánh giá thực trạng pháp luật, cũng như thực trạng tổ chức và hoạt động hợp tác xã nông nghiệp tại tỉnh Quảng Trị từ khi có Luật hợp tác xã năm 2012 đến nay.

- Thứ ba: Đề xuất định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật, chính sách liên quan đến hợp tác xã nông nghiệp; nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Những vấn đề lý luận về hoạt động hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp.
- Thực trạng tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
- Thực tiễn thực hiện pháp luật về hoạt động hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp tại tỉnh Quảng Trị.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về thời gian: Số liệu, tài liệu thu thập phân tích về thực trạng phát triển của Hợp tác xã ở tỉnh Quảng Trị từ năm 2016 đến năm 2022.
- Về không gian: Đề tài thực hiện trong phạm vi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
- Về nội dung: Luật Hợp tác xã năm 2012, các văn bản hướng dẫn thi hành, các vấn đề về tổ chức và hoạt động sản xuất kinh doanh, phương thức điều hành và thực tiễn hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp.

Nghiên cứu những vấn đề liên quan về lý luận, quy định pháp luật và thực tiễn trong tổ chức quản lý sản xuất và hoạt động sản xuất kinh doanh của các Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Nghiên cứu Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về hợp tác xã và phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp. Đồng thời, phản ánh chân thật nhất các kết quả nghiên cứu.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn chú trọng sử dụng phương pháp tổng kết thực tiễn, phân tích, so sánh, điều tra khảo sát (từ nguồn số liệu Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Trị); trao đổi với một số cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý hợp tác xã; kinh nghiệm các hợp tác xã nông nghiệp trong và ngoài tỉnh, cụ thể:

- Phương pháp phân tích, tổng hợp lý thuyết nhằm làm sáng tỏ và hệ thống một cách đầy đủ các vấn đề lý luận về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp tại chương 1.
- Phương pháp phân tích văn bản pháp luật, phân tích quy phạm pháp luật được sử dụng rộng rãi trong các chương của luận văn nhằm làm rõ nội dung quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp.
- Phương pháp tổng kết thực tiễn nhằm trình bày đầy đủ thực tiễn tổ chức và hoạt động của HTX nông nghiệp chủ yếu sử dụng cho chương 2 của luận văn.
- Phương pháp so sánh chủ yếu sử dụng cho chương 2 của luận văn.
- Phương pháp điều tra khảo sát chủ yếu sử dụng cho chương 2.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của đề tài

6.1. Ý nghĩa khoa học

Luận văn góp phần làm rõ những vấn đề cơ bản của pháp luật về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp; nghiên cứu làm rõ hơn cơ sở lý luận và

thực tiễn về quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển hợp tác xã trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Luận văn là nguồn tư liệu bổ sung phục vụ quá trình nghiên cứu, tìm hiểu về pháp luật, về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp. Kết quả nghiên cứu có thể dùng làm tài liệu tham khảo phục vụ việc nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo về Luật kinh tế.

- Đề tài luận văn làm cơ sở lý luận và thực tiễn cho các Hợp tác xã trong tỉnh tham khảo để đưa ra những giải pháp phát triển Hợp tác xã của mình trong thời gian tới. Đồng thời giúp cho cấp ủy Đảng, Chính quyền các cấp có luận cứ khoa học trong việc xây dựng cơ chế, chính sách phát triển các Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trong giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn 2030.

- Luận văn góp phần làm thay đổi nhận thức của cán bộ, đảng viên, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân về Hợp tác xã kiểu mới trên địa bàn toàn tỉnh Quảng Trị. Đây là một trong những giải pháp quan trọng nhất cho loại hình Hợp tác xã nông nghiệp phát triển và hoạt động có hiệu quả trong giai đoạn xây dựng nông thôn mới hiện nay.

7. Bố cục luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung của luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về hoạt động hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp tại tỉnh Quảng Trị.

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC XÃ TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

1.1. Khái quát về hoạt động hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm về hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp

1.1.1.1. Khái niệm hợp tác xã

Hợp tác xã là một hình thức hợp tác do những người sản xuất nhỏ tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm mục tiêu giúp đỡ lẫn nhau thực hiện có hiệu quả hơn sản xuất, kinh doanh để đáp ứng nhu cầu chung của những người tham gia (nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ giống nhau phát sinh thường xuyên, ổn định từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, đời sống của thành viên hoặc nhu cầu việc làm của thành viên trong hợp tác xã do hợp tác xã tạo ra). Hợp tác xã là tổ chức kinh tế có ý tưởng xã hội chủ nghĩa cao đẹp, có tổ chức bộ máy quản lý dân chủ, tiên tiến mang lại lợi ích kinh tế ngày càng cao cho thành viên, góp phần tăng trưởng kinh tế chung.

Tháng 3 năm 1996, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa IX đã ban hành Luật hợp tác xã. Theo đó, hợp tác xã được định nghĩa: Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tự chủ do những người lao động có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện cùng góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của pháp luật để phát huy sức mạnh của tập thể và của từng xã viên nhằm giúp nhau thực hiện có hiệu quả hơn các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cải thiện đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Ngày 26 tháng 11 năm 2003, tại kỳ họp thứ tư, Quốc hội khóa XI đã thông qua Luật hợp tác xã sửa đổi, bổ sung (Luật hợp tác xã năm 2003). Theo đó, hợp tác xã được định nghĩa: hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể do cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân (sau đây gọi chung là xã viên) có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của luật này để phát huy sức mạnh tập thể của từng xã viên tham gia hợp tác xã, cùng giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hợp tác xã hoạt động như một loại hình doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính trong phạm vi vốn điều lệ, vốn tích lũy và các nguồn vốn khác của hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

Luật Hợp tác xã năm 2012 nêu rõ: Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã.

1.1.1.2. Đặc điểm của hợp tác xã

Hợp tác xã là một tổ chức kinh tế tự chủ, gắn với mục tiêu lợi nhuận nhưng mục đích chính của Hợp tác xã là phục vụ thành viên hơn là kiếm lời góp phần nâng cao địa vị kinh tế - xã hội của xã viên và sự phát triển cộng đồng xã hội.

Hợp tác xã quản lý theo nguyên tắc dân chủ: Các thành viên của Hợp tác xã có quyền biểu quyết là như nhau không phân biệt mức vốn góp trong việc quyết định tổ chức, quản lý và hoạt động của hợp tác xã; được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác về hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài chính, phân phối thu nhập và những nội dung khác theo quy định của điều lệ.

Thành viên hợp tác có trách nhiệm thực hiện cam kết theo hợp đồng dịch vụ và theo quy định của điều lệ. Thu nhập của hợp tác xã được phân phối chủ yếu theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của thành viên hợp tác xã hoặc theo công sức lao động đóng góp của thành viên đối với hợp tác xã tạo việc làm.

Hợp tác xã là một tổ chức kinh tế do các thành viên góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của pháp luật để phát huy sức mạnh của tập thể và của từng xã viên, nhằm giúp nhau thực hiện có hiệu quả hơn các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và cải thiện đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hợp tác xã có tư cách pháp nhân, có tổ chức chặt chẽ, hạch toán độc lập, tự chịu trách nhiệm về các hoạt động của mình và được đối xử bình đẳng như các thành phần kinh tế khác.

Việc hình thành Hợp tác xã là thành viên giúp nhau thực hiện có hiệu quả hơn các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cải thiện đời sống.

** Đặc điểm hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam*

Một là, Hợp tác xã nông nghiệp là được tổ chức bởi nhiều cá nhân cùng chung mục đích là phát triển kinh tế nông nghiệp, đem lại lợi nhuận chung cho cả tập thể. Những cá nhân này cùng tự nguyện hợp tác, tương trợ cùng nhau giải quyết các yêu cầu chung, mục đích chung trong việc sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế do đó mà hợp tác xã nông nghiệp mới được xác định là tổ chức kinh tế tập thể.

Hai là, hợp tác xã nông nghiệp là tổ chức kinh tế vừa thể hiện tính kinh doanh vừa mang tính xã hội. Bên cạnh là một tổ chức kinh tế tập thể thì hợp tác xã nông nghiệp còn là một tổ chức mang tính xã hội. Về đặc điểm của tính xã hội được thể hiện như sau: Hợp tác xã nông nghiệp vừa tiến hành bên cạnh việc cùng sản xuất và cùng kinh doanh, tạo ra thu nhập từ các hoạt động nông nghiệp thì hợp tác xã nông nghiệp còn là tổ chức kinh tế xã hội khi các hợp tác xã tạo điều kiện cho tất cả các thành viên của mình cùng lao động sản xuất và kiếm được thu nhập từ các việc làm của hợp tác xã. Hợp tác xã nông nghiệp còn là tổ chức thực hiện việc đóng góp trên cơ sở tự nguyện và được hưởng lợi từ việc lao động của mình.

Từ việc thành lập hợp tác xã nông nghiệp mà những lợi ích từ hợp tác xã như tại ra việc làm cho thành viên, giảm được tình hình thất nghiệp của xã hội mà còn tạo điều kiện phát triển cho những cá nhân nhỏ lẻ, không đủ khả năng tự kinh doanh độc lập, những người này có thể góp vốn vào hợp tác xã để tiến hành

hoạt động kinh doanh, vì thế mà đây được coi là tổ chức kinh tế xã hội cộng đồng.

Ba là, hợp tác xã nông nghiệp có số lượng thành viên tối thiểu là 07 thành viên theo quy định bắt buộc về thành lập hợp tác xã. Cùng với đặc điểm tối thiểu là 07 thành viên thì cá nhân thì phải từ đủ 18 tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; nếu là hộ gia đình thì phải có người đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Bốn là, do hợp tác xã là pháp nhân nên Hợp tác xã có tư cách pháp nhân và chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi vốn của mình. Hợp tác xã nông nghiệp là tổ chức được thành lập một cách hợp pháp khi tổ chức này đáp ứng đủ các điều kiện về thành lập hợp tác xã theo quy định của Luật hợp tác xã.

Hợp tác xã nông nghiệp là một tổ chức pháp nhân, do đó hợp tác xã này cũng có cơ cấu tổ chức như cơ cấu tổ chức của một pháp nhân, cũng có cơ quan quản lý và cơ quan điều hành, có điều lệ theo quy định của pháp luật.

1.1.2. Vai trò, ý nghĩa của hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp

Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp có vai trò hết sức quan trọng trong việc góp phần thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển. Là tổ chức kinh tế hợp tác của các hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh, các dịch vụ cung ứng đầu vào, đầu ra phục vụ sản xuất trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, diêm nghiệp..., vì vậy hoạt động của Hợp tác xã nông nghiệp có tác động to lớn, tích cực đến hoạt động sản xuất của hộ nông nghiệp, nông dân. Nhờ có hoạt động của Hợp tác xã Nông nghiệp các yếu tố đầu vào và các khâu dịch vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp được cung cấp kịp thời, đầy đủ, đảm bảo chất lượng, các khâu sản xuất tiếp theo được đảm bảo, vì vậy hiệu quả sản xuất của hộ nông dân được nâng lên.

Hiện nay, vai trò của các Hợp tác xã nông nghiệp có ý nghĩa và sứ mệnh rất to lớn trong công cuộc xây dựng Nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; là tiêu chí số 13 trong bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới; là nơi tiếp nhận các tiến bộ khoa học kỹ thuật, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đến với thành viên, người lao động và ngược lại; là tác nhân chính trong tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Hợp tác xã là đơn vị duy nhất ở khu vực nông thôn đại diện cho hàng trăm, hàng ngàn thành viên của mình đàm phán ký kết hợp đồng cung ứng dịch vụ đầu vào, bao tiêu sản phẩm đầu ra với các tổ chức, doanh nghiệp. Hợp tác xã là đơn vị tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân; là nơi mà người dân ở khu vực nông thôn có hoàn cảnh khó khăn trong sản xuất.. được hỗ trợ, tương trợ lẫn nhau trong cuộc sống và giúp nhau trong xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn.

1.2. Khái quát pháp luật về hoạt động hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp

1.2.1. Khái niệm pháp luật về hoạt động hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp

Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong

hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã.

Theo quy định tại Điều lệ tóm tắt của hợp tác xã nông nghiệp thì: Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp là một tổ chức kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa của nông dân lao động, xây dựng theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ, được Đảng lãnh đạo và Nhà nước giúp đỡ.

Hợp tác xã nông nghiệp là một loại hình hợp tác xã. Đối với hợp tác xã nông nghiệp thì loại hình này được hiểu là một tổ chức về nông nghiệp với số lượng thành viên tối thiểu là 07 thành viên cùng tự nguyện thành lập, đồng sở hữu và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong việc thực hiện các hoạt động sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, đồng thời hợp tác xã tạo ra việc làm cho những người nông dân, nhằm đáp ứng nhu cầu chung của tập thể các thành viên về tạo ra sản phẩm cũng như lợi nhuận đối với các hoạt động nông nghiệp. Hợp tác xã nông nghiệp cũng như các hợp tác xã khác là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân, hoạt động trên cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thực hiện cách thức quản lý hợp tác xã theo cơ chế bình đẳng và dân chủ.

1.2.2. Nội dung pháp luật điều chỉnh về hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp

Luật hợp tác xã số 23/2012/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2012 và Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều tại Luật Hợp tác xã năm 2012 có hiệu lực thi hành. Nội dung pháp luật về hoạt động của Hợp tác xã bao gồm các nhóm quy phạm sau đây:

- Nhóm các quy phạm về ban điều hành hoạt động của Hợp tác xã;

Cơ cấu tổ chức Hợp tác xã gồm đại hội thành viên, hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc) và ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên.

- Nhóm các quy phạm về tài chính của Hợp tác xã;

Vốn hoạt động của hợp tác xã gồm vốn góp của thành viên, vốn huy động, vốn tích lũy, các quỹ của hợp tác xã; các khoản trợ cấp hỗ trợ của nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; được tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác.

- Nhóm các quy phạm về ngành nghề kinh doanh;

Hợp tác xã đăng ký, bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh hoặc khi đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; Hợp tác xã lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh trong giấy đề nghị đăng ký hợp tác xã. Cơ quan đăng ký hợp

tác xã hướng dẫn và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh của hợp tác xã vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã; Hợp tác xã có quyền lựa chọn ngành nghề kinh doanh phù hợp với điều kiện của từng hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

- Nhóm các quy phạm về phương án kinh doanh, kế hoạch hoạt động và hiệu quả kinh doanh;

Tùy vào quy mô, loại hình của từng Hợp tác xã để hoạch định và lựa chọn phương án kinh doanh cho phù hợp với điều kiện của HTX theo quy định; phương án kinh doanh gồm: mục tiêu kinh doanh, phương châm kinh doanh, sách lược kinh doanh.

Hợp tác xã đăng ký kinh doanh, kế hoạch hoạt động và hiệu quả kinh doanh có các nội dung chủ yếu: ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật; vốn điều lệ, số lượng thành viên; kế hoạch thuyết minh hoạt động phương án sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã.

- Nhóm các quy phạm về phân chia lợi nhuận;

Hợp tác xã sau khi hoàn thành các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; Hợp tác xã bắt buộc phải trích lập hai loại quỹ (đầu tư phát triển và dự phòng tài chính) theo quy định của Luật HTX năm 2012 và quỹ khác (nếu có) do đại hội quyết định; số còn lại được phân theo mức độ sử dụng dịch vụ, công sức đóng góp và chia theo vốn góp của thành viên do điều lệ của từng hợp tác xã quy định.

1.3. Các yếu tố tác động đến pháp luật và thực hiện pháp luật về hoạt động hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp

1.3.1. Các yếu tố bên trong

Với tính chất và thực trạng về nhân sự, thành viên, công tác tổ chức, quản lý của mô hình hợp tác xã hiện nay ở nước ta, việc pháp luật quy định tại Điều 36, Luật HTX năm 2012, quyền hạn và nhiệm vụ của hội đồng quản trị, gồm 14 khoản với vai trò, nhiệm vụ tổ chức thực hiện nghị quyết của đại hội thành viên cũng như chuẩn bị các chương trình đại hội, các nội dung của đại hội và quyết định các vấn đề quan trọng của hợp tác xã trình đại hội.

Đối với chủ tịch Hội đồng Quản trị theo Điều 37 Luật HTX năm 2012, gồm 6 khoản là chủ thể có tư cách đại diện theo pháp luật đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Với vị trí, vai trò này, Chủ tịch hội đồng quản trị có tầm ảnh hưởng, đặc trưng, yêu cầu đối với tư cách “lãnh đạo” hợp tác xã. Các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị có vai trò cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng Quản trị thực hiện các chức năng, quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị. Tuy không nhất thiết phải có đặc trưng của lãnh đạo, nhưng thành viên hội đồng quản trị có đóng góp quan trọng trong vấn đề đưa ra quyết sách và triển khai thực hiện các chiến lược kinh doanh của hợp tác xã; vậy, yêu cầu các thành

viên khác trong ban quản trị cũng phải là những chủ thể có sự am hiểu nhất định về lĩnh vực kinh doanh; có tầm nhìn trong việc đề ra các quyết sách cho chiến lược phát triển kinh doanh của hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp.

1.3.2. Các yếu tố bên ngoài

Quản lý nhà nước có vai trò ảnh hưởng rất lớn tới quá trình hình thành và phát triển Hợp tác xã. Sự tác động của nhân tố này được thực hiện thông qua khuôn khổ pháp lý, hệ thống chính sách vĩ mô và quá trình hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước đối với Hợp tác xã từ trung ương đến cơ sở, cũng như quá trình tổ chức, triển khai trong thực tiễn của bộ máy này. Đặc biệt hệ thống pháp luật về Hợp tác xã nói chung là Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp nói riêng mặc dù đã được Đảng và Nhà nước quan tâm xây dựng, ban hành và thực thi trên thực tế đã tạo hành lang pháp lý quan trọng cho Hợp tác xã hình thành, phát triển được quy định tại các Điều 59, 60, 61 của Luật Hợp tác xã năm 2012; Điều 28, Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; Điều 29, Nghị định 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 193/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy pháp luật về hợp tác xã vẫn còn chung chung, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế đặt ra, nhiều nội dung cần cụ thể hóa, luật hóa nhưng vẫn chưa được thực hiện; vẫn còn sự chông chéo trong quản lý giữa các bộ ngành và địa phương đối với hợp tác xã.

Kết luận Chương 1

Qua nghiên cứu, tìm hiểu những vấn đề lý luận về hợp tác xã, luận văn đã tập trung làm rõ những vấn đề sau:

Thứ nhất, trên cơ sở nghiên cứu về các vấn đề lý luận, luận văn đã đưa ra được những khái niệm và đặc điểm cơ bản về hợp tác xã, pháp luật về hợp tác xã. Nêu bật được những đặc điểm của hợp tác xã, vai trò của hợp tác xã nói chung, hợp tác xã nông nghiệp nói riêng, các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của hợp tác xã nông nghiệp, ý nghĩa của hoạt động hợp tác xã đối với xã hội.

Thứ hai, luận văn đã khái quát đặc điểm của hợp tác xã. Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp ở nước ta mang những đặc thù riêng, gắn bó với đa số dân số trong độ tuổi lao động hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Vì vậy, phân tích sâu về quá trình hình thành, phát triển của hợp tác xã nông nghiệp, các yếu tố tác động đến hợp tác xã, nhất là pháp luật về Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp trong giai đoạn hiện nay, góp phần thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC XÃ TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

2.1. Thực trạng pháp luật về hoạt động hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp

Luật HTX năm 2012 được ban hành và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2013, bước đầu làm thay đổi nhận thức trong hệ thống chính trị và người dân về vai trò quan trọng của phát triển kinh tế tập thể, HTX trong các thành phần kinh tế của nền kinh tế quốc dân. Với các khung khổ pháp lý cùng các chính sách mới đã tác động tới KTTT, HTX trên nhiều mặt.

Sau 10 năm thi hành, hiện nay mô hình HTX có sự thay đổi cả về số lượng và chất lượng. Trên thực tế, nhiều HTX có quy mô phát triển lớn hơn cả doanh nghiệp quy mô vừa. Điều đó thúc đẩy kinh tế khu vực vùng nông thôn phát triển, tạo ra nguồn thu ngân sách nhà nước rất lớn. Việc triển khai thực hiện chính sách phát triển HTX đã góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản, giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập cho người nông dân.

Đặc biệt, Luật HTX năm 2012 đã khắc phục được những bất cập, hạn chế của mô hình HTX kiểu cũ, đề ra yêu cầu liên kết tự nguyện của các thành viên theo nhu cầu hợp tác sản xuất, kinh doanh, đồng thời đề cao trách nhiệm cộng đồng của HTX. Triển khai thực hiện Luật HTX năm 2012 có hai nhiệm vụ được thực hiện song song đó là thành lập các HTX kiểu mới theo Luật HTX năm 2012 và chuyển đổi các HTX kiểu cũ thành các HTX kiểu mới, kể từ đây KTTT, nòng cốt là các HTX đã có sự phát triển mạnh mẽ trên các lĩnh vực, góp phần quan trọng vào sự phát triển của đất nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, trong thực tiễn thi hành Luật HTX năm 2012 đã gặp phải những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, cần khắc phục và sửa đổi, bổ sung, để khu vực hoạt động HTX thích ứng và phát triển bền vững trong tình hình mới.

Thứ nhất, công tác tuyên truyền, tổ chức triển khai thực hiện chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng và Luật HTX năm 2012 ở một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa được quan tâm đúng mức. Ở nhiều nơi, nhận thức về vai trò của HTX còn hạn chế, thậm chí có cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lãnh đạo cấp cơ sở còn chưa hiểu rõ về HTX kiểu mới dẫn đến công tác chỉ đạo, quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện phát triển HTX còn lúng túng, hiệu quả chưa cao.

Thứ hai, Về khái niệm tổ chức KTTT gồm có: Tổ hợp tác, HTX và Liên hiệp HTX. Tuy nhiên, tại Luật HTX năm 2012 thì Tổ hợp tác chưa chịu sự điều chỉnh của Luật, mà hiện nay Tổ hợp tác đang chịu sự điều chỉnh của Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính Phủ (đây là văn bản dưới Luật nên tính pháp lý không cao).

Thứ ba, Vấn đề quy định số lượng thành viên: Hiện nay Luật HTX năm 2012 quy định về số thành viên tối thiểu đối với HTX là 07 thành viên, số thành viên tối thiểu đối với Tổ hợp tác là 02 thành viên là quá ít so với nhu cầu người dân, cũng như yêu cầu đủ mạnh về vốn, lao động, lợi ích cộng đồng... để có thể đủ sức phát triển.

Thứ tư, Luật HTX năm 2012 chưa quy định cụ thể mức vốn góp tối thiểu của thành viên, nên trong thực tiễn đã gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, đó là một bộ phận thành viên chỉ góp vốn mang tính hình thức, thậm chí góp vốn gọi là có để hưởng lợi từ các cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước.

Cùng với đó, tại Điều 17 quy định góp vốn điều lệ của thành viên không quá 20% vốn điều lệ của HTX là không phù hợp, bởi số lượng thành viên góp vốn tối đa và tối thiểu để thành lập HTX có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Nhiều thành viên có khả năng và nhu cầu góp vốn cao, song do quy định thành viên có nhu cầu góp vốn không quá 20% vốn điều lệ đã gây hạn chế, bất cập trong vấn đề huy động vốn của các thành viên trong các tổ chức hoạt động HTX.

Thứ năm, Một bất cập nữa của Luật HTX năm 2012 trong vấn đề quy định tỷ lệ sử dụng dịch vụ của thành viên, nếu chấm dứt tư cách thành viên khi thành viên không sử dụng dịch vụ của HTX liên tục trong 3 năm. Đối với HTX tạo việc làm, thành viên không làm việc trong thời gian liên tục theo quy định của Điều lệ nhưng không quá 02 năm tại điểm e, khoản 1, Điều 16. Hay quy định về nguyên tắc phân phối thu nhập tại điểm a) và điểm b) khoản 3 Điều 46 Luật HTX năm 2012.

Hay như quy định tỷ lệ cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ của HTX cho khách hàng không phải là thành viên tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 và đã được sửa đổi tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ; những vấn đề này rất bất cập, không khả thi, cản trở, kìm hãm sự phát triển của HTX, đi ngược với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ sáu, Luật HTX năm 2012 không quy định HTX hoạt động như doanh nghiệp, vậy mà trong thực tiễn cơ quan thuế vẫn thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với HTX; còn cơ quan Bảo hiểm xã hội thì quy định người làm việc trong HTX phải đóng bảo hiểm xã hội theo mức lương tối thiểu vùng như doanh

nghiệp. Vấn đề này cho thấy nghĩa vụ thì thực hiện như doanh nghiệp, nhưng quyền lợi thì không được như doanh nghiệp, ngay trong kinh doanh HTX bị khống chế tỷ lệ cung ứng dịch vụ sản phẩm ra thị trường.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hoạt động hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp tại tỉnh Quảng Trị

2.2.1. Một số đặc điểm kinh tế xã hội ảnh hưởng đến phát triển hợp tác xã nông nghiệp

Trong những năm qua, nền kinh tế tỉnh Quảng Trị có xu hướng phát triển và tăng trưởng rõ rệt. Tổng sản phẩm (GRDP) theo giá thực tế trên địa bàn tỉnh liên tục tăng theo các năm, năm 2019 đạt 31.657.320 triệu đồng tăng 46,6% so với năm 2015 (21.588.970 triệu đồng).

Tỉ lệ tăng trưởng GRDP trung bình năm trong giai đoạn 2015 - 2019 đạt trên 7,12%, riêng năm 2016 tỉ lệ tăng trưởng giảm (đạt 6,39%). Năm 2019 là năm tăng trưởng khởi sắc nhất trong giai đoạn này, tổng sản phẩm trong tỉnh năm 2019 theo giá so sánh năm 2010 đạt 19.166.806 triệu đồng, tăng 7,91%, cao nhất trong giai đoạn 2015 - 2019 và cao hơn nhiều so với bình quân chung cả nước, trong mức tăng trưởng chung, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,10%, khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 13,89%, khu vực dịch vụ tăng 6,35% (so với năm 2018).

Tỷ lệ tăng trưởng GRDP bình quân đầu người tăng 1,3 lần, từ năm 2015 (10,6%) đến năm 2019 (13,5%), GRDP bình quân đầu người năm 2019 đạt 50 triệu đồng, cao gấp 1,7 so với năm 2014 (29,4 triệu đồng). Sự tăng trưởng GRDP và tăng trưởng kinh tế là bằng chứng về sự phát triển KT-XH của tỉnh trong nhiều năm qua. Điều này đã giúp ổn định kinh tế của địa phương, góp phần cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân.

2.2.2. Một số kết quả đạt được trong thực hiện pháp luật về hoạt động hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp tại tỉnh Quảng Trị

2.2.2.1. Tình hình xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012

Sau khi Luật hợp tác xã số 23/2012/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2012 và Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều tại Luật Hợp tác xã năm 2012 có hiệu lực, Tỉnh ủy, UBND Tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các loại. Cụ thể:

Tỉnh ủy Quảng Trị đã ban hành Chương trình hành động số 71- CTHĐ/TU ngày 11/7/2013 của Ban thường vụ Tỉnh ủy khóa XV thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2136/QĐ- UBND ngày 11/11/2013 về việc ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện Luật HTX

năm 2012 và Nghị định 151/2007/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động Tổ hợp tác.

Kế hoạch số 4376/KH-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất và phân loại, đánh giá xây dựng hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2017-2020.

Quyết định số 665/QĐ- UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt kế hoạch xây dựng và phát triển hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2018- 2020;

Kế hoạch số 1448/KH- SNN ngày 29/10/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT về thực hiện phong trào thi đua “Đổi mới, phát triển các hợp tác xã nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã năm 2012 góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới” tỉnh Quảng Trị.

Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành văn bản số 113/PTNT- KTHT ngày 16/4/2014 về việc hướng dẫn các địa phương chuyển đổi Hợp tác xã nông nghiệp theo Luật HTX năm 2012.

2.2.2.2. Công tác triển khai, giám sát thi hành Luật và các văn bản hướng dẫn

- Tình hình triển khai, hướng dẫn và thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hợp tác xã. Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật HTX năm 2012, được Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo các Sở, ban, ngành, địa phương và cơ quan thông tấn báo chí Trung ương, địa phương kịp thời đưa tin và phổ biến nội dung đến tận mọi người dân thông qua nhiều kênh tuyên truyền, bước đầu đã mang lại hiệu quả rõ rệt.

Ủy ban nhân dân Tỉnh đã tổ chức hội nghị triển khai Luật HTX năm 2012, Nghị định 151/2007/NĐ- CP của Chính phủ cho cán bộ phụ trách lĩnh vực kinh tế tập thể các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh, huyện.

- Tình hình tổ chức, hướng dẫn đăng ký lại và hoạt động HTX nông nghiệp.

Sau khi Nghị định 193/NĐ- CP có hiệu lực, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Hướng dẫn 650/HD- SNN ngày 27/5/2015 hướng dẫn các địa phương việc tổ chức việc rà soát lại tài sản, công nợ, tư cách thành viên, xây dựng điều lệ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đồng thời tiến hành đại hội theo luật đảm bảo kịp thời và đúng luật.

Sau khi hiệu lực đăng ký lại các hợp tác xã hết thời hạn, Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương thành lập đoàn kiểm tra liên ngành tại các huyện, thành phố, thị xã về công tác tổ chức, đăng ký lại và thực hiện pháp luật của các HTX nông nghiệp theo Luật HTX năm 2012 trên địa bàn tỉnh.

2.2.3. Thực trạng phát triển các hợp tác xã tại tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2022

Theo số liệu của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị cung cấp tính đến ngày 31/12/2022, toàn tỉnh Quảng Trị có 318 HTX trong đó 291 HTX nông nghiệp và 01 liên hiệp HTX nông nghiệp, 26 HTX phi nông nghiệp hoạt động theo Luật HTX năm 2012.

Tổng số thành viên các hợp tác xã 94.700 thành viên, *trong đó* thành viên hợp tác xã nông nghiệp gần 73.150 thành viên, thành viên phi nông nghiệp 21.550 thành viên.

Tổng số lao động thường xuyên trong khu vực hợp tác xã 2.300 thành viên

Tổng số cán bộ làm việc trong các hợp tác xã là 2.200 người.

Tổng tài sản của hợp tác là 485 tỷ đồng, doanh thu các hợp tác xã 1.000 triệu đồng, lãi bình quân 130 triệu đồng/ HTX.

2.2.3.1. Thực trạng phát triển về số lượng Hợp tác xã nông nghiệp

Tính đến 31/12/2016, toàn tỉnh có 260 HTX nông nghiệp đã đăng ký hoạt động theo Luật HTX năm 2012, *trong đó*: có 240 HTX đăng ký lại tổ chức hoạt động theo Luật HTX năm 2012, có 20 HTX thành lập mới hoạt động theo Luật HTX năm 2012.

Tính đến 31/12/2021 toàn tỉnh hiện có 291 HTX nông nghiệp và 01 Liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động theo Luật HTX năm 2012.

Sau 5 năm (2016- 2021) số lượng HTX biến động tăng về số lượng, trong đó số HTX được thành lập mới tăng đáng kể.

2.2.3.2. Thực trạng phát triển về quy mô của Hợp tác xã nông nghiệp

Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị chủ yếu là loại hình HTX dịch vụ nông nghiệp tổng hợp chiếm 90% và chỉ có 10% hợp tác chuyên ngành (*lợn, thủy sản, cà phê, cao dược liệu..*). Có 88% HTX quy mô thôn hoặc liên thôn; 4% HTX được thành lập với tư cách là cá nhân; 8% HTX có quy mô cấp xã, hoặc liên xã; có 51 HTX đạt tiêu chí kiểu mới; 15 HTX ứng dụng công nghệ cao trong canh tác, nuôi trồng, bảo quản; 07 HTX ứng dụng công nghệ tự động hóa; 01 HTX ứng dụng công nghệ tin học trong quản lý và kinh doanh.

2.2.3.3. Thực trạng về sản phẩm, dịch vụ của Hợp tác xã nông nghiệp

Có 8% hợp tác xã (20 HTX) sản xuất kinh doanh dịch vụ chuyên ngành, 92% (240 HTX) hợp tác xã sản xuất, kinh doanh dịch vụ tổng hợp.

Có 8% HTX quy mô toàn xã, 88% HTX quy mô thôn, liên thôn và 4% HTX của các thành viên cá nhân.

Có 22% hợp tác xã (57 HTX) có trụ sở kiên cố, 26% (68 HTX) trụ sở tạm bợ và 52% (135 HTX) chưa có trụ sở.

Có 40% hợp tác xã (104 HTX) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 60% (156 HTX) chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ.

2.2.3.4. Thực trạng hoạt động liên kết của Hợp tác xã nông nghiệp

Tỷ lệ hợp tác xã có năng lực hoạt động theo mô hình HTX kiểu mới rất thấp: Chỉ có khoảng 5% (10 HTX) được xem là hoạt động mang lại hiệu quả như mong đợi. 95% HTX còn lại chưa đáp ứng đầy đủ vai trò của HTX kiểu mới. Trong đó gần 50% HTX hầu như hoạt động theo mô hình HTX kiểu cũ với nhiều hạn chế và khó khăn về năng lực. Nhóm HTX này chỉ thực hiện một số dịch vụ sản xuất bắt buộc, chưa có khả năng chuyển biến và thay đổi theo mong đợi. Tuy nhiên, sau khi Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/08/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và Nghị quyết 02/2019/NQ- HĐND của Hội

đồng nhân dân Tỉnh có hiệu lực, toàn tỉnh hiện có 19% HTX có tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa các Doanh nghiệp với Hợp tác xã và người sản xuất trên địa bàn.

Có 11 HTX nông nghiệp với 14 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP, trong đó có 6 sản phẩm công nhận 4 sao và 8 sản phẩm công nhận 3 sao.

2.2.3.5. Kết quả và đóng góp của Hợp tác xã nông nghiệp vào phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh

Hầu hết HTX trên địa bàn tỉnh Quảng Trị chủ yếu là HTX nông nghiệp chiếm 91,5% trong những năm qua đã từng bước tạo sự chuyển biến trong sản xuất nông nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn, tạo nền tảng thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và thực hiện hoàn thành các tiêu chí (13.1, 13.2) trong Bộ tiêu chí Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Các hợp tác xã nông nghiệp có vai trò rất lớn đối với cộng đồng nông thôn thông qua việc tham gia các hoạt động kinh tế và xã hội như: cung ứng dịch vụ hỗ trợ sản xuất cho thành viên, thúc đẩy kinh tế hộ phát triển, tạo việc làm thường xuyên hơn đối với lao động nông thôn. Thông qua HTX nông nghiệp mà các thành viên có thể tương trợ, giúp đỡ được cho nhau, cùng được hưởng những quyền lợi từ HTX nông nghiệp vừa với tư cách là chủ sở hữu, vừa là người sử dụng dịch vụ của hợp tác xã.

Hợp tác xã đã tích cực tham gia các hoạt động xã hội trên địa bàn dân cư, tích cực tham gia chương trình xóa đói giảm nghèo; nhiều HTX tiếp tục khơi dậy được tính đoàn kết, tương thân tương ái trong cộng đồng; đã sử dụng vốn quỹ để hỗ trợ các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo và chăm lo phúc lợi cho các hộ thành viên, góp phần ổn định trật tự chính trị, xã hội và an ninh nông thôn.

2.3. Đánh giá chung

2.3.1. Những kết quả đạt được trong thực hiện pháp luật về hợp tác xã nông nghiệp

Sau gần 10 năm triển khai Luật HTX năm 2012, phong trào phát triển HTX nông nghiệp đã có những chuyển biến tích cực về số lượng, chất lượng và thể hiện rõ nét hơn vai trò quan trọng của HTX nông nghiệp trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và tái cơ cấu ngành nông nghiệp, cụ thể:

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế chính sách về cơ bản đã được Chính phủ và các Bộ, ngành ban hành để hướng dẫn thi hành Luật. Các địa phương ban hành nhiều văn bản triển khai thi hành Luật và bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù nhằm phát triển HTX tại địa phương.

Công tác quản lý Nhà nước về HTX nông nghiệp tại các địa phương được quan tâm thực hiện đúng theo Điều 30 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP.

Giai đoạn 2013 đến nay, tập trung đẩy mạnh việc thực hiện chuyển đổi hợp tác xã theo Luật HTX năm 2012, các HTX yếu kém, tồn tại hình thức trong nhiều năm đã được giải thể; đặc biệt giai đoạn 2017-2020 triển khai thực hiện Đề án phát triển 15.000 HTX nông nghiệp, liên hiệp HTX hoạt động hiệu quả đã thành lập mới 6.106 HTX nông nghiệp. Số lượng các HTX áp dụng công nghệ

cao ngày càng nhiều, đặc biệt là các HTX mà hoạt động gắn với các sản phẩm chủ lực của vùng, thực hiện liên kết chuỗi, nhiều HTX liên kết với các siêu thị, doanh nghiệp lớn để mở rộng thị trường tiêu thụ, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh.

Trình độ cán bộ quản lý HTX được nâng cao rõ rệt, đội ngũ cán bộ quản lý được trẻ hóa. Với sự tâm huyết, kinh nghiệm dày dạn và sự nhạy bén với cơ chế thị trường, đội ngũ cán bộ quản lý HTX đã mạnh dạn áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh đã mang lại sự thành công trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã.

Thông qua các chính sách hỗ trợ phát triển HTX, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, tái cơ cấu ngành nông nghiệp và OCOP, các HTX được hỗ trợ để tổ chức lại sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa vào sản xuất, tham gia mô hình cánh đồng lớn, mô hình liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm theo hướng VietGAP, GlobalGAP, đã xuất hiện nhiều mô hình điển hình tiên tiến theo mô hình HTX kiểu mới.

2.3.2. Một số vướng mắc, hạn chế trong thực hiện pháp luật về hoạt động hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp tại tỉnh Quảng Trị

2.3.2.1. Đối với cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan có liên quan

Trong xây dựng, ban hành và phổ biến các văn bản hướng dẫn thi hành Luật HTX năm 2012:

- Thời gian ban hành một số văn bản hướng dẫn Luật HTX kéo dài và phải điều chỉnh nên quá trình triển khai thực hiện Luật gặp nhiều khó khăn.

- Việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền phổ biến về pháp luật HTX chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao dẫn đến nhận thức về pháp luật HTX chưa thống nhất.

- Công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, HTX còn chông chéo; thiếu hệ thống theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chính sách; Nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa các Sở, ngành, phòng chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện chưa rõ ràng khó quản lý.

- Cán bộ, công chức làm nhiệm vụ theo dõi, quản lý nhà nước các cấp về lĩnh vực kinh tế tập thể, HTX thường xuyên bị thay đổi hoặc luân chuyển công tác, chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu kiến thức về HTX, kiêm nhiệm là chính, chưa dành nhiều thời gian quan tâm hỗ trợ cho hợp tác xã.

- Chính sách không phù hợp với điều kiện tiếp cận của HTX nông nghiệp, quy trình thủ tục phức tạp nên tỷ lệ các HTX tiếp cận và được thụ hưởng chính sách thấp.

2.3.2.2. Đối với Hợp tác xã, thành viên hợp tác xã

Một số Hợp tác xã đã đăng ký lại theo Luật HTX năm 2012 nhưng chưa thực sự tổ chức và hoạt động đúng các quy định của Luật HTX như:

Thành viên không góp vốn, chưa ký kết hợp đồng cung ứng dịch vụ, chưa cấp giấy chứng nhận vốn góp, chưa điều chỉnh mức vốn góp tối đa của thành viên là 20%.

Khó khăn trong huy động vốn sản xuất kinh doanh của HTX từ thành viên và bên ngoài thành viên, thực hiện tín dụng nội bộ: hiện các quy định và hướng dẫn về hoạt động tín dụng nội bộ trong HTX đã hết hiệu lực nhưng chưa được ban hành thông tư mới. Thường các HTX rất thận trọng trong việc xem xét mở rộng thành viên hoặc kết nạp thêm thành viên trong khi đó có rất nhiều thành viên liên kết để tiêu thụ nông sản, nếu có thể huy động vốn từ các thành viên liên kết nêu trên thì sẽ thuận lợi hơn cho HTX. Vấn đề thành viên liên kết hiện chưa được quy định trong Luật HTX.

Khó khăn trong tiếp cận, thụ hưởng các chính sách của Nhà nước: nguồn lực hạn chế trong khi kinh phí của Nhà nước và điều kiện thụ hưởng chính sách nhiều nội dung khó đáp ứng, dẫn đến các HTX khó tiếp cận chính sách.

2.3.3. Một số nguyên nhân của vướng mắc, hạn chế trong thực hiện pháp luật về hoạt động hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp tại tỉnh Quảng Trị

2.3.3.1. Nguyên nhân khách quan

- Chính sách chưa đáp ứng nhu cầu của HTX cả về chiều rộng và chiều sâu: HTX có rất ít thông tin về các chính sách và cách thức để tiếp cận; địa phương không cân đối được nguồn lực như chính sách đã ban hành.

Sự phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với HTX nông nghiệp từ các bộ, ngành đến địa phương còn chung chung, chưa thực sự rõ ràng, còn xảy ra tình trạng chồng chéo giữa các cơ quan, các ngành.

Nguồn lực hỗ trợ dành riêng cho HTX nông nghiệp thời gian qua mới chú trọng đến con người, việc đầu tư cơ sở vật chất như: Nhà kho, sân phơi, máy móc sơ chế biến..., chưa được đầu tư tương xứng.

2.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Phương pháp hỗ trợ HTX hiện nay phân tán và thiếu tập trung: Các chính sách hiện hành của Trung ương và tỉnh Quảng Trị đang theo phương pháp dàn đều nguồn lực với tư duy xây dựng mục tiêu năm sau cao hơn năm trước. Tuy nhiên, HTX nông nghiệp của tỉnh chưa đủ khả năng thay đổi theo mô hình HTX kiểu mới, mỗi HTX có năng lực khác nhau, nguồn lực hỗ trợ HTX hạn chế thì phương pháp hỗ trợ HTX hiện nay sẽ khó tạo sự thay đổi ở quy mô lớn. Đặc biệt khi triển khai chương trình mỗi xã mỗi sản phẩm (OCOP).

- Năng lực và kinh nghiệm quản lý nhà nước của đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước còn thiếu số lượng và hạn chế về chất lượng.

- Quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, chủ yếu theo địa giới hành chính thôn, xã. Tình hình vốn quỹ, cơ sở vật chất của HTX thấp và chủ yếu là tài sản cố định; năng lực tài chính còn rất hạn chế, vốn tích lũy còn ít, việc huy động vốn khó khăn, việc vay vốn tín dụng từ ngân hàng để sản xuất kinh doanh không tiếp cận được với nguồn vốn tín dụng thương mại.

- Công tác quản lý điều hành, quản lý tài chính của HTX còn yếu về nhiều mặt, nhiều đơn vị chưa thực hiện đúng chế độ quy định hiện hành. Một số HTX chưa quản lý chặt chẽ nợ của các thành viên, cơ chế thu hồi nợ và xử lý nợ chưa rõ ràng, triệt để, dẫn đến nợ xấu kéo dài.

2.3.4. Một số bài học kinh nghiệm rút ra

Một là: Kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn mà nòng cốt là HTX có vị trí quan trọng trong quá trình thực hiện kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp và chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Hai là: Nhà nước có vai trò quan trọng, tạo môi trường thuận lợi, định hướng, chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ HTX trong quá trình phát triển, nhất là đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, tạo nguồn nhân lực cho hợp tác xã.

Ba là: Đề hợp tác xã tồn tại và phát triển cần phải xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh có tính khả thi và gắn với thị trường, mở rộng liên kết với doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Bốn là: Làm tốt công tác quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể, huy động được mọi nguồn lực của toàn xã hội, kể cả cán bộ có năng lực tham gia vào phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp mà nòng cốt là hợp tác xã. Sự quan tâm của cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của kinh tế hợp tác, HTX thông qua việc lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên và đề ra các chủ trương, nghị quyết, chương trình, đề án, cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ phù hợp.

Kết luận Chương 2

Trong chương 2 này, tác giả đã tập trung làm rõ những vấn đề cơ bản sau:

Một là, luận văn đã hệ thống hoá và phân tích những quy định pháp luật của Việt Nam về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã.

Hai là, luận văn đã phân tích bức tranh toàn cảnh về thực trạng áp dụng pháp luật tổ chức và hoạt động của hợp tác xã qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị, trong đó tập trung báo cáo các nội dung: Cơ cấu tổ chức và thực trạng tình hình hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp sau đại hội chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã năm 2012 trên địa bàn tỉnh, những kết quả đạt được và các hạn chế còn tồn tại. Tất cả những bất cập được phân tích, bình luận và lý giải nêu trên nhằm tạo căn cứ cho những kiến nghị, giải pháp để hoàn thiện pháp luật sẽ được đề cập ở Chương 3.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC XÃ TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp

3.1.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp phải theo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước

Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức về bản chất, quy định của Luật HTX và cơ chế chính sách phát triển HTX nông nghiệp. Tuyên truyền các mô hình HTX nông nghiệp tiêu biểu, các cách làm hay, mô hình sáng tạo, các mô hình HTX hiệu quả gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ nông sản; HTX nông nghiệp do thanh niên khởi nghiệp thành công; HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; HTX tham gia làm chủ thể OCOP, chủ sở hữu thương hiệu nông sản; hỗ trợ kết nối tiêu thụ nông sản của HTX nông nghiệp với thị trường.

Nghiên cứu hoàn thiện khung khổ pháp lý, đề xuất sửa đổi Luật HTX liên quan đến các hạn chế hiện nay như quy định về thành viên HTX nông nghiệp, tỷ lệ tối đa cung cấp dịch vụ ngoài HTX, hướng dẫn trong góp vốn đầu tư, thành lập doanh nghiệp trực thuộc, cung cấp dịch vụ công cho HTX nông nghiệp; cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã; đề xuất cụ thể trong Luật các chương, điều quy định riêng cho phát triển HTX nông nghiệp.

Nghiên cứu bổ sung cơ chế tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX nông nghiệp thực hiện tốt việc xác nhận, chứng nhận tài sản trên đất, tích tụ ruộng đất, dồn điền đổi thửa để mở rộng quy mô và chuyên môn hóa sản xuất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp của HTX sang đất xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến, kinh doanh của hợp tác xã.

3.1.2. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp phải đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế

Về cơ bản, các quy định của Luật HTX năm 2012 đáp ứng được yêu cầu phát triển HTX nông nghiệp trong cơ chế thị trường hiện nay. Luật HTX năm 2012 có những ưu điểm cơ bản, gồm: Quy định rõ hơn, cụ thể hơn về tổ chức quản lý và điều hành HTX trên tất cả các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế, quy định tổ chức 2 bộ máy là quản lý (Hội đồng quản trị) và điều hành (Giám đốc); Mục tiêu của HTX là mang lại lợi ích cho thành viên, phân phối của HTX chủ yếu theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của thành viên; theo công sức lao động, phần còn lại chia theo vốn góp.

Sửa đổi, bổ sung Luật HTX năm 2012 để bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ của Luật và các văn bản pháp luật khác có liên quan, để phù hợp với tình hình thực tế của mỗi giai đoạn phát triển. Căn cứ vào kết quả thực tiễn gần 10 năm thi hành Luật để kế thừa, phát huy hiệu quả những quy định của Luật đã

được áp dụng tốt, đi vào cuộc sống; sửa đổi bổ sung những nội dung vẫn chưa thực sự phù hợp thực tiễn.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp

3.2.1. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung pháp luật về hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp trong thời gian đến

Mặc dù Luật HTX năm 2012 có những ưu điểm cơ bản, song một số quy định của Luật HTX còn chưa được hướng dẫn cụ thể hoặc có nhưng chưa khả thi dẫn đến khó triển khai như: thủ tục giải thể bắt buộc với HTX, hướng dẫn chuyển đổi HTX sang các loại hình tổ chức khác hay các quy định về công tác kiểm toán đối với HTX, chế tài xử lý vi phạm Luật HTX,.. Do vậy, từ thực tế triển khai luật cho thấy yêu cầu cần thiết hiện nay là nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật HTX năm 2012 cho phù hợp với tình hình thực tế của mỗi giai đoạn phát triển. Cần sửa đổi, bổ sung những nội dung chưa phù hợp với thực tiễn như:

1. Về tên Luật

Đề nghị giữ nguyên tên Luật là Luật Hợp tác xã. Nếu đưa Tổ hợp tác vào quy định trong Luật sẽ không mang lại hiệu quả tích cực do quy định 02 nhóm đối tượng khác nhau: có tư cách pháp nhân và không có tư cách pháp nhân gây ra khó khăn trong thực hiện. Đề xuất không đưa Tổ hợp các vào Luật, chỉ quy định chính sách thúc đẩy hỗ trợ cho Tổ hợp tác hoặc thay vào đó, đưa thêm quy định cho HTX có quy mô nhỏ.

2. Về khái niệm (Điều 3, Điều 4)

Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định tăng số lượng thành viên tối thiểu được thành lập hợp tác xã nông nghiệp để phù hợp thực tế về tính quy mô hoạt động có hiệu quả đối với hợp tác xã nông nghiệp.

3. Về chính sách hỗ trợ (Điều 6)

Đề nghị điều chỉnh Điều 6 thành một chương về chính sách, hỗ trợ và ưu đãi của Nhà nước trong Luật, trong đó quy định riêng cho phát triển hợp tác xã nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng, phù hợp với đặc thù của các từng đối tượng, loại hình, lĩnh vực hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác.

Nghiên cứu bổ sung quy định tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã nông nghiệp thực hiện tốt việc xác nhận, chứng nhận tài sản trên đất (kho tàng, nhà xưởng, cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến) tích tụ ruộng đất, dồn điền đổi thửa để mở rộng quy mô và chuyên môn hóa sản xuất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp của HTX sang đất xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến, kinh doanh của hợp tác xã.

4. Về thành viên (Điều 13, Điều 14, Điều 15)

Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về thành viên chính thức và thành viên liên kết tạo điều kiện cho HTX mở rộng quy mô hoạt động với các thành viên liên kết mà không nhất thiết phải kết nạp thành viên chính thức vì việc kết nạp thành viên sẽ liên quan đến rất nhiều quy định, quyền lợi và nghĩa vụ trong hợp tác xã.

5. Về tỷ lệ cung ứng, tiêu thụ sản phẩm dịch vụ (Điều 21)

Đề nghị không quy định trong Luật, Nghị định về mức độ giao dịch giữa hợp tác xã và thành viên, để hợp tác xã tự quyết định.

Tuy nhiên, phải quy định mức độ giao dịch giữa hợp tác xã và thành viên là điều kiện bắt buộc để thụ hưởng chính sách ưu đãi (thuế, đất, tín dụng) và một số chính sách hỗ trợ. Mức giao dịch giữa HTX và thành viên phải lớn hơn 50% thì mới được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước. Hoặc đề nghị có quy định về miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập được tạo từ giao dịch nội bộ giữa hợp tác xã và thành viên hợp tác xã.

6. Về cơ cấu tổ chức (Điều 29)

Quy định 2 bộ máy quản lý, điều hành: đề nghị quy định theo hướng hợp tác xã tự chọn mô hình phù hợp, mà không bắt buộc phải theo quy định có 2 bộ máy khi số thành viên hợp tác xã ít, quy mô hoạt động nhỏ.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp

Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về bản chất, quy định của Luật HTX và cơ chế chính sách phát triển HTX nông nghiệp cho cả cán bộ, cấp ủy đảng, chính quyền và người dân. Mục tiêu tuyên truyền nhằm thay đổi được động lực phát triển HTX từ động cơ do phía nhà nước sang động cơ phát triển HTX từ chính nội tại, định hướng mục tiêu sản xuất kinh doanh của người nông dân, doanh nghiệp.

Củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp ở cơ quan cấp tỉnh và địa phương. Các địa phương cần bố trí tổ chức, công chức, chuyên trách đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp.

Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nhận thức và năng lực cho cán bộ quản lý về HTX nông nghiệp. Chính quyền các cấp cần phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của HTX, không can thiệp vào công việc nội bộ của HTX, đặc biệt là phương án sản xuất kinh doanh và công tác nhân sự trong hợp tác xã.

Xây dựng hệ thống ứng dụng công nghệ số trong việc thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu về HTX nông nghiệp; theo dõi đánh giá về HTX. Trang bị máy móc, thiết bị, phần mềm cho cơ quan quản lý nhà nước có đủ khả năng thu thập, quản lý và cung cấp thông tin cho HTX với công nghệ số.

Tập trung tuyên truyền về các mô hình HTX nông nghiệp tiêu biểu, có truyền thống phát huy vai trò cộng đồng, trách nhiệm xã hội và các lợi ích cho thành viên; các cách làm hay, mô hình sáng tạo, các mô hình HTX hiệu quả gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ nông sản, ứng dụng công nghệ cao; HTX tham gia làm chủ thể OCOP, chủ sở hữu thương hiệu nông sản; hỗ trợ kết nối tiêu thụ nông sản của HTX nông nghiệp với thị trường.

Hỗ trợ, tạo điều kiện để HTX nông nghiệp tiếp cận được các nguồn vốn tín dụng thông qua việc bảo lãnh tín dụng, ưu đãi tín dụng và cần có cơ chế chính sách cho vay theo chuỗi giá trị với cơ chế đồng bảo lãnh tín dụng, đồng chia sẻ

rủi ro giữa tổ chức tín dụng, doanh nghiệp liên kết, Quỹ phát triển HTX và bản thân các hợp tác xã nông nghiệp.

Đẩy mạnh công tác đào tạo nhân lực, nhất là đào tạo nghề giám đốc HTX nhằm nâng cao năng lực quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX nông nghiệp cho các chức danh: Giám đốc, Chủ tịch hội đồng quản trị hợp tác xã; hỗ trợ đưa cán bộ HTX đi đào tạo và học tập trong và ngoài nước.

Kết luận Chương 3

Trong chương 3 này, tác giả đã làm rõ những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, đưa ra quan điểm hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp.

Thứ hai, trên cơ sở phân tích về những tích cực và hạn chế của pháp luật về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012 nói chung, hợp tác xã trên lĩnh vực nông nghiệp nói riêng, luận văn đã đưa ra những giải pháp kiến nghị cụ thể nhằm giúp hoàn thiện các quy định pháp luật của Việt Nam về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã.

Thứ ba, trên cơ sở các số liệu khảo sát cũng như những thành công và hạn chế của việc áp dụng pháp luật về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012 trong thực tiễn, tác giả đã đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã. Với mục đích là hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp tác xã, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp có ý nghĩa hết sức quan trọng, là căn cứ pháp lý trong giai đoạn hiện nay giúp cho các hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp có căn cứ pháp lý đầy đủ, toàn diện để xây dựng, phát triển HTX nông nghiệp đáp ứng yêu cầu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

KẾT LUẬN

Sau 10 năm triển khai thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012, hoạt động của các hợp tác xã tại tỉnh Quảng Trị đã có bước phát triển quan trọng, đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đang trong quá trình chuyển sang sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn, từng bước tham gia hội nhập kinh tế quốc tế; do đó, đòi hỏi phải thúc đẩy phát triển hợp tác xã nông nghiệp để trở thành đầu mối kinh tế cho các nông hộ và trang trại phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa.

Thực tế cho thấy, trong sản xuất nông nghiệp đã có nhiều hợp tác xã trong tỉnh làm tốt vai trò là “bà đỡ” cho các hộ nông dân liên kết với nhau để chuyển từ sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, phát triển thành sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, hiệu quả cao thông qua vai trò dẫn dắt của các hợp tác xã. Bên cạnh đó, các hợp tác xã nông nghiệp thường tổ chức cung ứng một số dịch vụ đầu vào cho sản xuất của các hộ thành viên; một số hợp tác xã còn tổ chức tiêu thụ sản phẩm, hoặc trực tiếp làm dịch vụ tiêu thụ sản phẩm cho thành viên. Nhờ vậy, người sản xuất nhỏ không những tránh được tình trạng bị ép giá, mà giá trị sản phẩm, lợi nhuận và hiệu quả sản xuất được tăng lên, nhất là đối với những hộ yếu thế thiếu kinh nghiệm và thiếu vốn đầu tư.

Qua nghiên cứu, học tập và dựa trên cơ sở đánh giá thực trạng tình hình phát triển, những thuận lợi, khó khăn cũng như phân tích để chỉ ra những điểm mạnh, những tồn tại, hạn chế của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Đề tài đã đưa ra một số kiến nghị để hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động hợp tác xã, đồng thời đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, nhằm góp phần vào sự phát triển của các hợp tác xã nông nghiệp gắn với phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Quảng Trị trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Văn bản pháp luật

1. Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

2. Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

3. Luật Hợp tác xã năm 2012;

4. Luật Hợp tác xã năm 2003;

5. Luật Hợp tác xã năm 1996;

Văn bản Trung ương

6. Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

7. Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật HTX năm 2012 trong lĩnh vực nông nghiệp ngày 19/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

8. Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về đẩy tiếp tục hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

9. Chỉ thị 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Hợp tác xã;

10. Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020;

11. Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về “tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể” của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Văn bản địa phương

12. UBND tỉnh Quảng Trị (2021), Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện NQ13/TW5 khóa IX ngày 18/3/2002 và Hội nghị lần thứ 5, BCH Trung ương khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

13. UBND tỉnh Quảng Trị (2020) Kế hoạch số 187/KH-UBND, về phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021 - 2025.

14. UBND tỉnh Quảng Trị (2019) Kế hoạch số 168/KH-UBND, về phát triển kinh tế tập thể năm 2020.

15. UBND tỉnh Quảng Trị (2018) Báo cáo sơ kết 5 năm thi hành Luật HTX năm 2012.

16. UBND tỉnh Quảng Trị (2016) Báo cáo đánh giá kết quả 03 năm thực hiện Luật HTX năm 2012.

17. UBND tỉnh Quảng Trị (2016) Quyết định số 2486/QĐ-UBND, về ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng.

18. UBND tỉnh Quảng Trị (2015) Chỉ thị số 13/CT- UBND, về triển khai thực hiện Chỉ thị 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thi hành Luật Hợp tác xã.

19. Tỉnh ủy Quảng Trị (2015) Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

20. UBND tỉnh Quảng Trị (2015) Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015 - 2020.

21. UBND tỉnh Quảng Trị (2014) Quyết định số 2462/QĐ-UBND, về đổi mới các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 710/QĐ-BNN-PTNT ngày 10/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

22. Tỉnh ủy Quảng Trị (2013) Chương trình hành động số 71- CTHĐ/TU ngày 11/7/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị khóa XV thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

23. UBND tỉnh Quảng Trị (2013) Quyết định số 2136/QĐ-UBND, về việc ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện Luật HTX năm 2012 và Nghị định 151/2007/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động HTX.

Tài liệu khác

24. 110 câu hỏi đáp về Luật HTX năm 2012 của Cục Kinh tế hợp tác và PTNT, xuất bản năm 2013.

25. Lê Hương Giang (2015), “Bình luận một số nội dung mới của Luật Hợp tác xã năm 2012”, Tạp chí Luật học.

26. Nguyễn Thị Ngọc Cầm (2010), “Kiện toàn hệ thống thương mại nông thôn qua Hợp tác xã”, Tạp chí tài chính.

27. Chu Thị Hảo (2007), sách chuyên khảo: Tài liệu hướng dẫn tổ chức, hoạt động của Ban Quản trị, Ban kiểm soát Hợp tác xã nông nghiệp, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.